TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 17/4/2023.
Về việc: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm C:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Lê Văn A**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành T

2. Ông Nguyễn Văn D

***- Thư ký phiên toà*:** Ông **Đặng Thanh S** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 391/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/11/2022 về việc: "Xin ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2023/QĐ-HPT ngày 31 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Huỳnh Như N**, sinh năm 1998 (C đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Cản Đất, xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Anh **Phạm Văn C**, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Cản Đất, xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Huỳnh Như N trình bày như sau:*

- *Về hôn nhân*: Chị Lê Thị Huỳnh Như N và anh Phạm Văn C tự tìm hiểu yêu thương nhau được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, C đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào ngày 04/4/2018. Quá trình chung sống giữa chị N và anh C lúc đầu rất vui vẽ, hạnh phúc. Đến đầu năm giữa năm 2018 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và anh C thường uống rượu bia về đánh đập chị N vô cớ. Đến cuối năm 2022 do mâu thuẫn nên chị N và anh C đã ly thân nhau cho đến nay. Quá trình ly thân chị N và anh C không C liên lạc để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Nay xét thấy không còn tình cảm nên chị Lê Thị Huỳnh Như N yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn C.

- *Về con chung*: Chị Lê Thị Huỳnh Như N và anh Phạm Văn C không C con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Chị Lê Thị Huỳnh Như N cho rằng chị và anh Phạm Văn C không C tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị Lê Thị Huỳnh Như N cho rằng chị và anh Phạm Văn C không C nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng và thông báo cho bị đơn anh Phạm Văn C biết để tham gia giải quyết vụ án. Tuy nhiên, anh C không đến Tòa án để làm việc và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được lời khai của anh C trong hồ sơ vụ án.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Lê Thị Huỳnh Như N yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Phạm Văn C. Anh C cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Huỳnh Như N C yêu cầu xin xét xử vắng mặt và anh Phạm Văn C đã vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Qua các tài liệu chứng cứ C trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử C cơ sở xác định: Chị Lê Thị Huỳnh Như N và anh Phạm Văn C xác lập quan hệ

hôn nhân vào năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, anh chị C tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, C thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/4/2018. Như vậy, hôn nhân giữa chị N và anh C là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo đơn khởi kiện chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C do tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được. Xét yêu cầu của chị C thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình chung sống với nhau, chị C trình bày cuộc sống vợ chồng anh chị mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, anh C thường xuyên rượu chè và C đánh chị. Do mâu thuẫn nên cuối năm 2018 vợ chồng đã ly thân nhau đến nay. Quá trình ly thân chị N và anh C không liên lạc, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án tòa án tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị N đoàn tụ với anh C nhưng chị N không đồng ý. Đồng thời, Tòa án cũng tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh C nhưng anh C đều vắng mặt không đến Tòa án để tiến hành hòa giải đoàn tụ với chị N. Qua đó chứng minh được mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh C đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không đạt được mục đích. Nên việc chị N yêu cầu ly hôn với anh C là C cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Chị Lê Thị Huỳnh Như N và anh Phạm Văn C không C con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Huỳnh Như N và anh Phạm Văn C không C tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Lê Thị Huỳnh Như N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Huỳnh Như N. Chị Lê Thị Huỳnh Như N được ly hôn với anh Phạm Văn C.

2/. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: miễn xét.

3/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm : Chị Lê Thị Huỳnh Như N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí , lệ phí Tòa án số 0008211 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị N không phải nộp thêm.

4/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết C quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa C quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự C quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn A